

Bản án số: 50/2024/HS-PT
Ngày: 09-9-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa: Ông Hà Văn Chuyên-Kiểm sát viên

Trong các ngày 05 tháng 9; ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2024/TLPT - HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Đinh Quang S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2024/HS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Bị cáo có kháng cáo: Đinh Quang S, tên gọi khác: D, sinh năm 1960 tại Nam Định; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đinh Quang N, sinh năm 1917 (đã chết) và bà Trần Thị R, sinh năm 1922; bị cáo có vợ là Đinh Thị T, sinh năm 1963 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/4/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Quang S: Ông Dương Vĩnh T1 – Luật sư - Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: đường N, tổ C, khu phố A, phường T, thành phố Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Minh H, sinh năm 1986; nơi cư trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bà Hà Thị H1, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2022, Trương Minh H, sinh năm 1986, nơi cư trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước cần tiền để đáo hạn ngân hàng nhưng do Ngân hàng không giải ngân nên H không vay được tiền. Thông qua các mối quan hệ xã hội, H biết và làm quen với Đinh Quang S hỏi vay Sút số tiền 2.600.000.000 đồng trong thời hạn 06 ngày thì S đồng ý. Ngày 29/9/2022 S đến ngân hàng A chi nhánh tỉnh B gặp H. Tại đây H viết giấy vay tiền với nội dung bên cho vay tiền (Bên A) Đinh Quang S, Bên vay tiền (Bên B) Trương Minh H vay số tiền 2.600.000.000 đồng, thời gian 06 ngày. Sau khi viết giấy vay tiền xong H ký vào giấy vay tiền thì S sử dụng điện thoại di động hiệu S2, gắn sim số 0964390079 đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng S3, số tài khoản 0964390079 để chuyển tổng cộng 06 lần (trong đó 02 lần số tiền 400.000.000 đồng, 04 lần số tiền 450.000.000 đồng đến số tài khoản 1015691671 ngân hàng V chủ tài khoản tên Trương Minh H. Khi nhận được tiền H đã chuyển toàn bộ số tiền đã mượn của S đến số tài khoản 393979 chủ tài khoản Hà Thị H1, sinh năm 1988, chỗ ở: Tổ dân phố C, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum mở tại Ngân hàng S4 – Chi nhánh Q cho H1 mượn. Sau 06 ngày, S đến ngân hàng A chi nhánh tỉnh B tìm H để lấy lại số tiền đã cho H vay nhưng không gặp H, S liên lạc với H thì H nói đang đi công tác tại Lâm Đồng nên S nói có ai ở nhà giải ngân cho S số tiền mà H vay nhưng H nói là đi công tác đột xuất 01 tuần và nói S thông cảm. Huyền tính mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày theo như thỏa thuận và trả tiền lãi cho S 06 ngày trước, còn số tiền gốc thì sau khi đi công tác về sẽ làm hồ sơ vay và trả lại cho S. Đến chiều ngày 04/10/2022, H chuyển tiền lãi vào tài khoản của S số 5606668797979 tại ngân hàng A chi nhánh tỉnh B. Sau khi nhận tiền Sút nhắn tin qua mạng xã hội Z (tên tài khoản “Dũng S1” được đăng ký bằng số điện thoại 0964390079 cho H qua tài khoản tên “Huyền NH A1” được đăng ký bằng số điện thoại 0915230079) với nội dung “*Anh nhận đủ tiền lãi rồi. Số tiền gốc 2.6 tỷ vay từ ngày mai 05.10.2022*”. Đến ngày 14/10/2022, Đinh Quang S nhắn tin qua mạng Zalo đòi tiền lãi H với nội dung “*Nay 10 ngày em chuyển lãi cho anh nhé*”, ngày 15/10/2022, S tiếp tục nhắn “*em chuyển tiền lãi cho anh nhé*”. Đến ngày 17/10/2022, H chuyển khoản cho S số tiền 80.000.000 đồng, khi nhận được số tiền trên, S nhắn tin nhắn Z cho H “*Anh nhận 80 triệu*”. H khai nhận số tiền này là H trả tiền lãi 10 ngày cho bị cáo S là 78.000.000 đồng, số tiền còn lại 2.000.000 đồng mà H chuyển dư so với số tiền trả thì số tiền chuyển dư này để trả lãi cho lần tính lãi sau đó.

Quá trình điều tra, bị cáo Đinh Quang S không nhận số tiền 80.000.000 đồng mà H trả tiền lãi mà khai đó là tiền gốc. Tuy nhiên qua trích xuất dữ liệu tin nhắn Zalo từ tài khoản Zalo của S trong máy điện thoại mà S cung cấp xác định lúc 17 giờ 56 phút ngày 14/10/2022 Sút nhắn tin “*Nay 10 ngày em chuyển lãi cho anh nhé*” và lúc 07 giờ 11 phút ngày 15/10/2022 S nhắn “*Em chuyển tiền lãi cho anh nhé.*” đòi bà H trả tiền lãi, qua các nội dung tin nhắn thể hiện bà H nợ S số tiền lãi 10 ngày chưa thanh toán từ ngày 05/10/2022 đến ngày

14/10/2022. Như vậy theo nội dung tin nhắn trao đổi giữa S và bà Huyền phù hợp với lời khai của bà H trả số tiền 80.000.000 đồng cho S là tiền lãi, cũng như tài liệu chứng cứ S cung cấp khai nhận tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B trước đó. Vì vậy có đủ căn cứ xác định S cho bà H vay số tiền 2.600.000.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) từ ngày 29/9/2022 đến ngày 14/10/2022, mức lãi suất là 109,5%/năm, thu lợi bất chính số tiền là 102.005.425 đồng (*Một trăm lẻ hai triệu, không trăm lẻ năm nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng*)

Tại kết luận giám định số 292/KL-KTHS ngày 14/04/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: trích xuất được 100 (một trăm) hình ảnh thể hiện nội dung tin nhắn Zalo của tài khoản có tên “Dũng S1” nhắn tin với tài khoản Z có tên “Huyền NH A1” từ ngày 29/9/2022 đến ngày 30/11/2022 trong chiếc điện thoại gửi giám định.

Tài sản, đồ vật tạm giữ: Ngày 5/02/2023 thu giữ của bị cáo Đinh Quang S 01 chiếc điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy M20 màu đen.

Ngày 09/8/2023 bị can S đã nộp số tiền 118.252.000 đồng vào tài khoản số 0009993979 tại Ngân hàng TMCP S5 - Chi nhánh B và làm đơn xin được chuyển số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Công an thành phố Đ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 2.600.000.000 đồng mà Trương Minh H chưa trả cho Đinh Quang S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra lệnh phong tỏa tài khoản của bà H tại các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đồng thời có văn bản đề nghị các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước tạm ngưng giao dịch các quyền sử dụng đất của Trương Minh H để đảm bảo thi hành án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 64/2024/HS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đinh Quang S (tên gọi khác: D) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Đinh Quang S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.2 Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017: Tuyên phạt bổ sung bị cáo Đinh Quang S số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung một số điều năm 2017; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

3.1 Buộc bị cáo Đinh Quang S phải nộp lại số tiền 22.794.500đ (*Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước;

3.2 Buộc bị cáo Đinh Quang S phải trả lại cho bà Trương Minh H số tiền 104.005.425 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu, không trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm*

hai mươi lăm đồng)

3.3 Buộc bà Trương Minh H phải nộp lại số tiền 2.600.000.000đ (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 bị cáo Đinh Quang S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử lại vụ án, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2024/HS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, tuyên bị cáo không phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và minh oan cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo theo hướng chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền vì bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đối với số tiền nhận lãi của 06 ngày là từ ngày 29/9/2022 đến ngày 04/10/2022 là 46.800.000 đồng và các tình tiết giảm nhẹ khác. Riêng khoản tiền lãi 80.000.000 (T2 mươi triệu) đồng là trả vào tiền gốc không phải tiền lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 14/10/2022 nên bị cáo không phạm tội đối với khoản tiền này.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đinh Quang S, giữ nguyên bản án hình sự đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Đinh Quang S chỉ thừa nhận hành vi phạm tội một phần theo nội dung bản Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 30/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo. Bị cáo chỉ thừa nhận hành vi phạm tội đối với số tiền lãi 46.800.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng*) của 06 ngày cho vay từ ngày 29/9/2022 đến ngày 04/10/2022 là số tiền lãi mà bà H tự tính toán và trả lãi cho bị cáo S. Đối với số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) bà H trả ngày 17/10/2022 là trả số tiền gốc cho bị cáo chứ không phải tiền lãi. Do đó, bị cáo cho rằng mình không phạm tội đối với số tiền này.

Xét thấy, việc bị cáo cho bà H vay số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) là có thật, khi vay mượn các bên có lập giấy vay tiền với nhau, tuy trong giấy vay nợ không thể hiện lãi suất, nhưng tại biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 06/12/2022 (BL 52) và biên bản ghi lời khai ngày 06/12/2022 (ghi nhằm thành ngày 06/10/2022) (BL 64) tại Công an tỉnh B trước khi khởi tố vụ án bị cáo S thừa nhận việc vay mượn tiền giữa bị cáo và bà H có thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng số tiền 7.800.000đ/ngày/2.600.000.000 đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định việc vay mượn tiền giữa bị cáo S và bà H là có thỏa thuận lãi từ ban đầu với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng số tiền 7.800.000đ/ngày/2.600.000.000 đồng), thể hiện từ ngày 29/9/2022 đến ngày 04/10/2022 bị cáo đã nhận số tiền lãi của bà H là 46.800.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng*) đây là số tiền lãi bị cáo thừa nhận hành vi phạm

tội của bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo về số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) thấy rằng: bị cáo cho rằng lời khai của bà H tại bút lục 474 và 479 để xác định bà H đã thừa nhận số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) trả ngày 17/10/2022 là số tiền bà H trả vào số tiền gốc cho bị cáo chứ không phải số tiền lãi.

Xét thấy, đến thời hạn trả nợ số tiền 2.600.000.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) vào ngày 04/10/2022 thì bà H chưa có tiền trả cho bị cáo nên giữa bị cáo và bà H thống nhất gia hạn thời gian vay số tiền 2.600.000.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) tính từ ngày 05/10/2022, việc gia hạn được thể hiện tại nội dung dữ liệu trong điện thoại di động của bị cáo S gửi giám định có tin nhắn Zalo giữa bị cáo với bà H (BL 190) với nội dung bị cáo nhắn tin cho bà H lúc 17 giờ 33 phút “*Anh nhận đủ tiền lãi rồi. Số tiền gốc 2.6 tỷ vay từ ngày mai 05.10.2022*” và tại phiên tòa sơ thẩm giữa bị cáo và bà H cũng thống nhất có việc gia hạn khoản vay này từ ngày 05/10/2022. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa bị cáo S và bà H có sự thống nhất gia hạn đối với khoản vay 2.600.000.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) còn đối với thỏa thuận lãi suất thì các bên không thay đổi nên không có thỏa thuận khác. Vì vậy, lúc 17 giờ 56 phút ngày 14/10/2022 bị cáo S nhắn tin cho bà H đòi lãi với nội dung “*Nay 10 ngày em chuyển lãi cho anh nhé*” và lúc 07 giờ 11 phút ngày 15/10/2022 bị cáo S tiếp tục nhắn tin cho bà H với nội dung “*Em chuyển tiền lãi cho anh*” (Bút lục 190) đến ngày 17/10/2022 thì bà H có chuyển cho bị cáo S số tiền 80.000.000 đồng (*T2 mươi triệu đồng*) với nội dung chuyển khoản “*chuyen tien tt tien dieu*”, sau đó bị cáo S nhắn tin lại với nội dung “*anh nhận 80 triệu*”.

Bị cáo cho rằng lời khai của bà H tại bút lục 474 và 479 đã xác định số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) là trả tiền nợ gốc, ngoài lời trình bày này thì không còn căn cứ nào khác để chứng minh. Xét thấy, lời trình bày của bị cáo không được bà H thừa nhận và mâu thuẫn với quá trình giao dịch giữa bị cáo với bà H thông qua tin nhắn Zalo được thể hiện:

Vào lúc 14 giờ 15 phút ngày 01/11/2022 (Sau 14 ngày bà H trả số tiền 80.000.000 đồng) bị cáo tiếp tục nhắn tin cho bà H với nội dung đòi lãi cụ thể “*Chiều nay em gửi trả tiền lãi cho anh thì anh ra hạn vay 1 tuần em thu xếp trả nợ. Nếu như ko có coi như em đã trả lời cho anh là cố tình ko trả nợ buộc lòng anh làm đúng pháp luật*” (Bút lục 192) như vậy đến ngày 01/11/2022 bà H vẫn còn nợ tiền lãi của bị cáo. Mặt khác, lời khai trước đó của bị cáo S tại biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 06/12/2022 (BL 52) tại Phòng K, Công an tỉnh B và biên bản ghi lời khai ngày 06/12/2022 (BL 64) trước khi khởi tố vụ án thì bị cáo cũng thừa nhận số tiền bà H trả 80.000.000 đồng (*T2 mươi triệu đồng*) là tiền lãi.

Vì vậy, lời giải trình của bà H tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm đối với số tiền 80.000.000 đồng (*T2 mươi triệu đồng*) là số tiền bà đã trả lãi cho bị cáo S trong đó số tiền 78.000.000đ (*Bảy mươi tám triệu đồng*) là tiền trả lãi 10 ngày từ ngày 05/10/2022 đến ngày 14/10/2022, số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) còn lại là tiền bà H trả dư để cản trừ lãi những ngày tiếp theo là có căn cứ và từ đó có cơ sở xác định việc bà H cho rằng số tiền 80.000.000 đồng

(Tám mươi triệu đồng) trả vào gốc là do bị cáo S khẳng định và quy buộc số tiền này trả vào tiền gốc chứ không phải ý chí của bà thừa nhận.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm kết luận: Từ ngày 29/9/2022 đến ngày 14/10/2022 bị cáo Đinh Quang S đã cho bà Trương Minh H vay số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) với mức lãi suất 109,5%/năm - vượt quá 05 lần trở lên mức lãi xuất cao nhất quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 (20%/năm) và số tiền lãi bị cáo Đinh Quang S đã thu được là 124.800.000 đồng. Do đó, Hành vi của Đinh Quang S đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Đối với số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội: quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa bị cáo S xác định bị cáo sử dụng số vốn ban đầu để cho vay là 2.600.000.000 đồng cần xác định số tiền này bị cáo dùng để phạm tội là 2.600.000.000 đồng. Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc tịch thu và buộc bà Trương Minh H là người đang quản lý số tiền dùng để phạm tội này phải nộp vào Ngân sách Nhà nước là có căn cứ.

- Đối với các khoản tiền thu lợi bất chính là các khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất tối đa 20% theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo S đã nhận của người vay, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo S trả lại cho người vay là bà Trương Minh H số tiền 104.005.480 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định trên kháng cáo của bị cáo cho rằng không phạm tội đối với số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) là không có căn cứ nên không thể xem xét tình tiết “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Không chấp nhận các kháng cáo của bị cáo Đinh Quang S;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2024/HS-ST ngày 14/5/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Phước về hình phạt đối với bị cáo Đinh Quang S.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đinh Quang S (tên gọi khác: D) phạm tội

“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Đinh Quang S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.2 Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017: Tuyên phạt bổ sung bị cáo Đinh Quang S số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung một số điều năm 2017; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

3.1 Buộc bị cáo Đinh Quang S phải nộp lại số tiền 22.794.500đ (*Hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước;

3.2 Buộc bị cáo Đinh Quang S phải trả lại cho bà Trương Minh H số tiền 104.005.425 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu, không trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng*)

3.3 Buộc bà Trương Minh H phải nộp lại số tiền 2.600.000.000đ (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải bù khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên quản thủ số tiền 118.252.000đ (*Một trăm mười tám triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*) của bị cáo Đinh Quang S để đảm bảo thi hành án;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu S2 được bỏ vào bì thư có chữ ký của Phạm Đức C, Đào Văn H2.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0002153, quyển số 0044, ký hiệu D47/2017 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài và theo ủy nhiệm chi ngày 19/9/2023 của Công an thành phố Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ tại kho bạc Nhà nước B).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Đinh Quang S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đinh Quang S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND thành phố Đ;
- Viện Kiểm sát ND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Công an ND thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án ND tối cao;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Viết Hùng